

Bản án số: 372/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp
đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2023/QĐXX-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 255/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J; Địa chỉ trụ sở chính: Tầng u, Tòa nhà C, Số b đường N, phường V, Quận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Quang C, sinh năm 1995 (có yêu cầu xét xử vắng mặt); (Theo Giấy ủy quyền số 142/2022/UQ-LMJIVF ngày 07/11/2022)

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1979 (vắng mặt); Địa chỉ: Số 63/35 đường Lưu Trọng Lư, Khu phố 3, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2022 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J (sau đây gọi tắt là công ty Tài chính) và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án thể hiện như sau:

Vào ngày 09/01/2022 ông Nguyễn Quang M (ông M) ký hợp đồng số 11220002370766000 với công ty Tài chính vay tiền để mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng.

CHI TIẾT HỢP ĐỒNG		
- Số hợp đồng	11220002370766000	
- Thời hạn vay	24	Tháng

- Số tiền thanh toán mỗi tháng	3.052.237 đồng	
- Số tiền vay	48.780.000 đồng (1)	Bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng
- Lãi suất tháng	3.5080 %	
ĐÃ THANH TOÁN		
- Nợ gốc	1.127.414 đồng (2)	
- Lãi	1.912.823 đồng (3)	
- Lãi quá hạn	0 đồng (4)	
- Phí quản lý khoản vay	12.000 đồng (5)	
- Tổng cộng (2) + (3) + (4) + (5)	3.052.237 đồng	Ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng
DƯ NỢ CÒN LẠI		
- Nợ gốc (1) – (2)	47.652.586 đồng (6)	
- Lãi (<i>Tính đến 31/7/2023</i>)	22.424.666 đồng (7)	
- Lãi quá hạn (<i>Tính đến 31/7/2023</i>)	2.066.474 đồng (8)	
- Phí quản lý khoản vay	156.000 đồng (9)	
- Tổng cộng (6) + (7) + (8) + (9)	72.299.726 đồng	Bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông M có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng ông M phải thanh toán cho công ty Tài chính số tiền là 3.052.237 đồng vào trước hoặc đúng ngày 12 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 14/02/2022.

Ngày 15/02/2022 ông M thanh toán được cho công ty Tài chính số tiền là 3.052.237 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 15/02/2022 đến nay, ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3; Điều 8 của Hợp đồng. Nay công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Minh phải thanh toán khoản nợ cho công ty Tài chính với số tiền tạm tính đến hết ngày 31/7/2023 là 72.299.726 đồng, và ông Minh tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 31/7/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Quang M vắng mặt nên không có lời khai.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông M còn nợ công ty Tài chính số tiền là 72.143.726 đồng, trong đó nợ gốc là 47.652.586 đồng, lãi trong hạn là 22.424.666 đồng, lãi quá hạn là 2.066.474 đồng, và ông Minh phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh

do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 23/9/2023 cho đến ngày thanh toán hết khoản nợ theo hợp đồng tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính yêu cầu bị đơn ông M trả số tiền vay còn nợ, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông M cư trú tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Quang C có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã niêm yết, tổng đặt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông M và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông M vẫn vắng mặt. Mặt khác theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Thuận Đông, Quận 7 thì: *đương sự Nguyễn Quang M, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ b đường L, Khu phố u, phường T, đương sự hiện không còn thực tế cư trú mà đang cư trú tại địa chỉ tổ d, khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An*. Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An thì: *Nguyễn Quang M, sinh năm 1979 có đăng ký tạm trú tại khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, nhưng không thực tế sinh sống tại địa phương, hiện đi đâu, làm gì không rõ*.

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và theo hướng dẫn tại Điều 5 và 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì, “...trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về nơi cư trú làm cho người khởi kiện không biết nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với người khởi kiện.... thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung”, như vậy ông M đã đi khỏi nơi cư trú nhưng che giấu địa chỉ không báo cho nguyên đơn biết là trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 11220002370766000 ngày 09/01/2022 giữa công ty Tài chính với ông M có nội dung: ông M vay số tiền 48.780.000 đồng để mua xe máy, có cơ sở để xác định giữa bị đơn và nguyên đơn công ty Tài chính có xác lập một giao dịch dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.5080%/tháng, ông M có trách nhiệm thanh toán trong vòng 24 tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền 3.052.237 đồng, trả nợ kỳ đầu vào ngày 14/02/2022, trả nợ kỳ cuối vào ngày 12/01/2024, tuy nhiên ông M chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền của một tháng là 3.052.237 đồng vào ngày 15/02/2022. Từ ngày 14/3/2022 cho đến nay ông M chưa thanh toán thêm khoản nào, nên nguyên đơn chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày khởi kiện ông M còn nợ công ty Tài chính số tiền 72.299.726 đồng, trong đó nợ gốc là 47.652.586 đồng, nợ lãi trong hạn là 22.424.666 đồng, lãi quá hạn là 2.066.474 đồng, phí là 156.000 đồng.

Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện rút phần yêu cầu tính phí đối với bị đơn với số tiền là 156.000 đồng, nên số tiền mà ông M phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2023 là 72.143.726 đồng, trong đó gốc là 47.652.586 đồng, lãi trong hạn là 22.424.666 đồng, lãi quá hạn là 2.066.474 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về phần tính phí là 156.000 đồng đối với bị đơn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 463, và 466 Bộ luật dân sự năm 2015 "*bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*", do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tại thời điểm giải ngân là 3.5080%/tháng, bằng 42.096%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, như vậy mức lãi suất được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi còn nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn công ty Tài chính.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính phí đối với bị đơn với số tiền là 156.000 đồng.

[3] Đối với các

nội dung mà đương sự không yêu cầu, căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp, ông M phải chịu án phí là 3.607.186 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí,

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính phí đối với bị đơn với số tiền là 156.000 đồng.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J, buộc bị đơn ông Nguyễn Quang M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 72.143.726 đồng, trong đó gốc là 47.652.586 đồng, lãi trong hạn là 22.424.666 đồng, lãi quá hạn là 2.066.474 đồng, và ông Nguyễn Quang M phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 11220002370766000 ngày 09/01/2022.

Hai bên đương sự thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là 3.607.186 đồng (ba triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn một trăm tám mươi sáu đồng), bị đơn ông Nguyễn Quang M phải chịu.

[4] Trả lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.313.685 đồng (một triệu ba trăm mười ba ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai số 0015031 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- VKS nhân dân Q7, TPHCM;
- Chi cục THADS Q7, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân